

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIO LINH
TỈNH QUẢNG TRỊ
Bản án số:05/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29/02/2024
V/v Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIO LINH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nhan Ngọc Đăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải và bà Nguyễn Thị Thuận.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gio Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gio Linh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 144/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/10/2023 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/02/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị H**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: **Thôn H, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị**, Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Trần Đức L**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: **Thôn H, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị**. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 9 năm 2023, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn chị **Đinh Thị H** trình bày:

Ngày 29/9/2012, chị **Đinh Thị H** và anh **Trần Đức L** đăng ký kết hôn tại **UBND xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị**. Cả hai có 01 con chung là cháu **Trần Linh H1**, sinh ngày 04/10/2012. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Vì vậy, chị **H** làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh **L**. Về con chung, chị **H** có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **H1** và không yêu cầu anh **L** cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, anh L không có ý kiến liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn cũng như không tham gia vào các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 LHNGĐ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn anh L. Về con chung, giao cháu H1 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp chăm sóc, nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn anh Trần Đức L có địa chỉ cư trú tại Thôn H, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Nên Tòa án nhân dân huyện Gio Linh thụ lý giải quyết là đúng quy định theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 238 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị **Đinh Thị H** và anh **Trần Đức L** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đúng pháp luật. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, chị **H2** làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh **M**. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh về trình trạng hôn nhân tại nơi cư trú, gồm: Trưởng thôn và Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ **thôn H, xã G**. Tại các biên bản xác minh xác định cuộc sống cả hai xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện hai vợ chồng đã ly thân. Như vậy, đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân của cả hai không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình (LHNGĐ), chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[5] *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, cả hai có 01 con chung là cháu **Trần Linh H1**, sinh ngày 04/10/2012. Chị **H** có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **H1**, không yêu cầu anh **L** cấp dưỡng nuôi con. Về phía chị **H**, các tài liệu trong hồ sơ thể hiện chị có chỗ ở, công việc và thu nhập, đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục cháu **H1**. Mặt khác, trong đơn trình bày ý kiến thì cháu **H1** xác nhận nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, xuất phát từ nguyện vọng, quyền lợi của cháu **H1** cũng như xét điều kiện của chị **H** và anh **L**. Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 LHNGĐ đề nghị Tòa án giao cháu **H1** để chị **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. **Anh L1** không phải cấp dưỡng nuôi con. Không có.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[7] *Về án phí*: Chị **Đinh Thị H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 LHNGĐ của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 238; khoản 2 Điều 266, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”, xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị **Đinh Thị H** được ly hôn anh **Trần Đức L**.

2. *Về con chung*: **Trần Linh H1**, sinh ngày 04/10/2012 cho chị **Đinh Thị H** trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh **Trần Đức L** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị **Đinh Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/2023 số 0000006 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gio Linh. Chị **H** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Gio Linh;
- Chi cục THADS huyện Gio Linh;
- Đương sự;
- UBND xã Tam Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nhan Ngọc Đăng